

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 582/TT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 16 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Kỳ họp thứ Mười hai – HĐND tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2021-2026

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI
Số: 1585
ĐẾN Ngày: 17/3/2023
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam,

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

A. Sự cần thiết phải ban hành

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc sửa đổi một số điều của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai. Qua kết quả đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND, có phát sinh một số vướng mắc cần tháo gỡ như: (1) Việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc thanh lý nhà làm việc phải phá dỡ để triển khai thực hiện dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là chưa hợp lý, kéo dài thời gian giải phóng mặt bằng, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án; (2) Nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển và thu hồi tài sản công chưa phù hợp với Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và chưa thống nhất với quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; một số nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công khác như mua sắm, thanh lý, thuê, bán... chưa được cụ thể và chưa đầy đủ dẫn đến việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Mặt khác, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hiệu lực từ ngày 14/11/2022. Tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC) quy định như sau: “2. *Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này áp dụng quy định như mua sắm tài sản công.*”

Để triển khai thực hiện khoản 2 Điều 5 Thông số 58/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC) nêu trên và thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai được hiệu quả, tránh sai sót và phù hợp với năng lực quản lý của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) thay thế cho các nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành.

Nội dung Dự thảo Nghị quyết đề nghị thay thế Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là tương đối nhiều: sửa 16 điều (Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 20 và Điều 21), bỏ 01 điều (Điều 2), tách 01 điều thành 02 điều (Điều 13 thành Điều 12, Điều 13) và bổ sung 02 chương, 02 điều (điều 22 và điều 23); cụ thể (có Bảng so sánh kèm theo).

B. Lý do đề nghị xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn và trình kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026: Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2022. Tuy nhiên, đến nay Hội đồng nhân dân tỉnh chưa ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 68/2022/TT-BTC. Do đó, rất nhiều các đơn vị trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong triển khai thực hiện mua sắm. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng nghị quyết HĐND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản hàng hóa, dịch vụ khác theo hình thức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trên. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn và trình kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44 Điều 1 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2120).

C. Nội dung quy định phân cấp

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai.

b) Tài sản công và tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai, gồm: Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

b) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại điểm a, b, c và e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC; điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm nhận chuyển quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trên một gói mua sắm của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của cơ quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của cơ quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan hoặc sử dụng chung cho nhiều cơ quan.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước cấp huyện, giữa cơ quan nhà nước cấp huyện và cơ quan nhà nước cấp xã, giữa các cơ quan nhà nước cấp xã thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Nhà làm việc (trừ trường hợp nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý và của các cơ quan trực thuộc, gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

c) Tài sản công khác thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

5. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

Điều 8. Thảm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công, gồm: Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thảm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh

a) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thủ trưởng cơ quan trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định xử lý tài sản công của cơ quan nhà nước cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 10. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công, gồm: Cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất), xe ô tô.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản công, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định) tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Trường hợp tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, việc bán cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Nhà làm việc (trừ nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng).

b) Xe ô tô; các phương tiện vận tải khác có động cơ có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, gồm:

a) Nhà làm việc phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

b) Công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm quyền sử dụng đất).

c) Tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản công, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ

**CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI; TỔ
CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH
LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI**

Điều 18. Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương II Quy định này; thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy định này.

Chương V

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, gồm:

- a) Trụ sở làm việc.
- b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- c) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương VI

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Điều 21. Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan của Đảng từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại cơ quan của Đảng từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan của Đảng được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

5. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 27 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan của Đảng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

9. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

10. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

11. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

12. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

15. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

16. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Chương VII

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KHÁC (KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG LÀ TÀI SẢN CÔNG)

Điều 22. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công)

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo các quy định tại Điều 2 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo các quy định tại Điều 10 Chương III Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Người có thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không

thuộc đối tượng là tài sản công) theo quy định tại Chương II, III, IV, V, VI, VII Quy định này có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) trong phạm vi được phân cấp tại Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trên đây là nội dung Dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) thay thế Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- CVP và các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số...../TTr- UBND ngày....tháng....năm 20..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia

Lai; Báo cáo thẩm tra của; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa kỳ họp thứ thông qua ngày ...tháng....năm 20.... và có hiệu lực từ ngày....tháng.....năm 20.....

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (đăng công báo);
- Sở Tư pháp;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và Chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH